UBND XÃ HẢI XUÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HẢI XUÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/KH - THHX

Hải Xuân , ngày 27 tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CĐS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- **Đơn vị báo cáo:** Trường Tiểu học Hải Xuân
- **Cán bộ đầu mối phụ trách:**

Họ và tên: Nguyễn Phương Liên

Chức vụ: Giáo viên

Số điện thoại: 0816849588

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ỨNG DỤNG CNTT, CĐS VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2025-2026

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo:

- Chuyển đổi số trong quản trị cơ sở giáo dục là yêu cầu tất yếu nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành và minh bạch hóa thông tin trong nhà trường. Trong thời gian qua, nhà trường đã quan tâm triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, từng bước số hóa dữ liệu và sử dụng các phần mềm quản trị.

- Việc triển khai được thực hiện đồng bộ từ xây dựng kế hoạch, tổ chức bộ máy đến áp dụng các phần mềm quản lý và dịch vụ trực tuyến, góp phần nâng cao chất lượng quản lý và đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

- Công tác triển khai các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số:

+ Nhà trường đã tổ chức quán triệt và triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo Ninh Bình, UBND xã về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục. Các văn bản được phổ biến kịp thời tới toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên thông qua các cuộc họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn và hệ thống thông tin điện tử của nhà trường.

+ Nhà trường chủ động xây dựng các văn bản chỉ đạo nội bộ theo hướng dẫn và văn bản chỉ đạo của các cấp như: Kế hoạch ứng dụng CNTT, kế hoạch chuyển đổi số, kế hoạch triển khai học bạ số, kế hoạch dạy học trực tuyến và các quy chế sử dụng hệ thống thông tin trong nhà trường.

- Việc ban hành kế hoạch, tổ chức thực hiện tại nhà trường:

+ Nhà trường đã ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT và chuyển đổi số năm học 2025-2026 phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, lộ trình thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận.

+ Việc tổ chức thực hiện được triển khai đồng bộ trong toàn trường. Các tổ chuyên môn, giáo viên tích cực ứng dụng CNTT trong dạy học, kiểm tra đánh giá và quản lý hồ sơ chuyên môn. Nhà trường thường xuyên kiểm tra, đôn đốc và đánh giá kết quả thực hiện.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

2.1 Triển khai cơ sở dữ liệu ngành giáo dục

Nhà trường thực hiện cập nhật đầy đủ, chính xác dữ liệu cán bộ, giáo viên, học sinh trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo đúng quy định. Dữ liệu được kiểm tra, rà soát, bổ sung thường xuyên phục vụ công tác quản lý, báo cáo và thống kê.

2.2 Triển khai phần mềm quản lý trường học

Nhà trường sử dụng các phần mềm quản lý như Vnedu, cơ sở dữ liệu ngành (https://csdl.moet.gov.vn), học bạ điện tử, sổ điểm điện tử (Vnedu) và các phần mềm quản lý tài chính , quản lý cán bộ, quản lý cơ sở vật chất. Các phần mềm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm hồ sơ giấy tờ và tăng cường tính chính xác, minh bạch trong công tác quản trị nhà trường.

2.3 Triển khai thanh toán không dùng tiền mặt

Nhà trường phối hợp với phụ huynh học sinh triển khai các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thu theo quy định (Dsoft). Việc thanh toán được thực hiện thông qua chuyển khoản ngân hàng và các ứng dụng thanh toán điện tử, tạo thuận lợi cho phụ huynh và đảm bảo công khai, minh bạch.

2.4 Triển khai học bạ số

Nhà trường sử dụng phần mềm Vnedu để triển khai học bạ điện tử đối với các khối lớp theo hướng dẫn của ngành giáo dục. Giáo viên thực hiện cập nhật kết quả học tập của học sinh trên hệ thống phần mềm, đảm bảo đầy đủ, chính xác và đúng tiến độ.

2.5 Triển khai chữ ký số

Ban giám hiệu và bộ phận văn phòng đã sử dụng chữ ký số trong việc ban hành văn bản điện tử, ký duyệt hồ sơ và thực hiện các giao dịch hành chính trên môi trường số. Giáo viên sử dụng chữ ký số để ký học bạ.

2.6 Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân

Nhà trường thường xuyên tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, giáo viên và học sinh về an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Các thiết bị công nghệ thông tin được cài đặt phần mềm bảo mật, thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ nhằm hạn chế rủi ro mất mát dữ liệu.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

3.1. Phát triển, sử dụng học liệu số

Giáo viên tích cực xây dựng kho bài giảng điện tử, học liệu số và chia sẻ trong tổ chuyên môn. Nhà trường từng bước hình thành kho học liệu số phục vụ giảng dạy và học tập. Nhiều giáo viên sử dụng hiệu quả các phần mềm như PowerPoint, Quizizz, Canva và OLM để thiết kế bài giảng và tổ chức hoạt động học tập.

3.2. Triển khai Thư viện số / thư viện điện tử

Nhà trường triển khai hệ thống quản lý học tập trực tuyến (LMS) thông qua OLM và các nền tảng trực tuyến khác nhằm hỗ trợ giáo viên giao bài, nhận bài, kiểm tra đánh giá và tương tác với học sinh. Thư viện nhà trường đã được số hóa tài liệu phục vụ hoạt động dạy học và tra cứu thông tin qua phần mềm Vietbiblio.

3.3. Tập huấn, phát triển năng lực số

Nhà trường tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn về ứng dụng CNTT và chuyển đổi số. 100% giáo viên có tài khoản bồi dưỡng thường xuyên trực tuyến và tích cực tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực số.

3.4. Dạy học trực tuyến, ứng dụng AI trong tổ chức hoạt động giáo dục

Giáo viên bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và các công cụ số trong thiết kế bài giảng, xây dựng đề kiểm tra và tổ chức hoạt động học tập nhằm nâng cao chất lượng dạy học. Nhà trường khuyến khích giáo viên khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy.

3.5. Các nội dung khác (nếu có)

Nhà trường tích cực tham gia các cuộc thi trực tuyến như IOE, Violympic, Trạng nguyên Tiếng Việt, Tài năng tin học trẻ và các hoạt động giáo dục trên môi trường số, góp phần nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin cho học sinh.

4. Triển khai phong trào Bình dân học vụ số (theo kế hoạch 05/KH-SGDĐT ngày 24/7/2025)

CB, GV tự cập nhật kiến thức về CNTT, tập huấn ứng dụng AI trong xây dựng KHBD và dạy học.

5. Công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện chế độ báo cáo

5.1 Tình hình kiểm tra, rà soát việc triển khai tại cơ sở giáo dục

Ban giám hiệu thường xuyên kiểm tra việc thực hiện ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tại các tổ chuyên môn, giáo viên và các bộ phận trong nhà trường. Nội dung kiểm tra tập trung vào việc cập nhật dữ liệu ngành, sử dụng phần mềm quản lý, ứng dụng CNTT trong dạy học và thực hiện hồ sơ điện tử.

5.2 Việc xử lý các vấn đề phát sinh qua kiểm tra

Nhà trường kịp thời nhắc nhở, hướng dẫn giáo viên và các bộ phận khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện. Đồng thời tăng cường hỗ trợ kỹ thuật, tổ chức tập huấn nhằm nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện	Ghi chú/ Khó khăn
1	**Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá**			
1.1	Cơ sở giáo dục (CSGD) khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học trực tuyến, theo dõi và phân tích quá trình học tập của người học	Có/Không	Có	
1.2	Số lượng mô hình dạy học tiên tiến (lớp học thông minh, học tập tương tác) đã triển khai	Mô hình	0	
1.3	Tỷ lệ giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	%	90%	
1.4	Tỷ lệ giáo viên thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	%	100%	
1.5	Số lượng học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học 2025-2026	SL	89	
2	**Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành**			
2.1	CSGD triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối thông suốt với CSDL ngành	Có/Không	Có	
2.2	Tỷ lệ người học, nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 100%)	%	100%	
2.3	Tỷ lệ cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số (mục tiêu 80%)	%	85%	
2.4	Kết quả triển khai học bạ số và văn bằng số	Mô tả	Tốt	
3	**Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt**			
3.1	CSGD triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp	Có/Không	Có	

	học			
3.2	CSGD thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	Có/Không	Có	
3.3	CSGD triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với Nền tảng thanh toán trực tuyến Cổng DVC quốc gia	Có/Không	Có	
4	**Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin**			
4.1	Số lượng đường truyền có kết nối Internet băng thông rộng	Có/Không	Có	
4.2	CSGD đã triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường	%	100%	
4.3	Số lượng cuộc tự kiểm tra rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm của đơn vị	Cuộc	8	
4.4	Kết quả triển khai phong trào "Bình dân học vụ số" tại đơn vị	Mô tả	CB, GV tự cập nhật kiến thức về CNTT, tập huấn ứng dụng AI trong xây dựng KHBD và dạy học.	

III. KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Tổng điểm chuyển đổi số trong dạy, học tự đánh giá: 87 /100 điểm.

Tổng điểm Chuyển đổi số trong quản trị: 92 /100 điểm.

Tự xếp loại mức độ chuyển đổi số: Mức đáp ứng Tốt

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ KIẾN NGHỊ

1. Ưu điểm:

- Nhà trường đã triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo và các cấp quản lý về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giáo dục.

- Thực hiện tốt việc cập nhật, quản lý cơ sở dữ liệu ngành; 100% cán bộ, giáo viên và học sinh được quản lý bằng hồ sơ số.

- Triển khai hiệu quả các phần mềm quản trị nhà trường, học bạ số, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, giảm hồ sơ giấy tờ.

- 100% giáo viên được tập huấn về năng lực số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ thông tin trong dạy học; tích cực xây dựng, chia sẻ và sử dụng học liệu số.

- Nhà trường đã xây dựng được 89 bài tập luyện tập trên nền tảng số OLM, 33 bài giảng điện tử trên kho học liệu số của nhà trường; khai thác hiệu quả các nền tảng số phục vụ dạy học, kiểm tra đánh giá và bồi dưỡng chuyên môn.

- Công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng được quan tâm thực hiện thường xuyên; dữ liệu được sao lưu, bảo mật theo quy định.

- Kết quả tự đánh giá chuyển đổi số trong dạy học và quản trị đạt mức Tốt, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Cơ sở vật chất và trang thiết bị công nghệ thông tin của nhà trường còn thiếu, một số thiết bị đã sử dụng nhiều năm nên hiệu quả khai thác chưa cao.

- Việc tổ chức đánh giá định kỳ trên máy tính mới đạt khoảng 50% do điều kiện phòng máy và thiết bị học sinh còn hạn chế.

- Kinh phí dành cho hoạt động chuyển đổi số còn hạn hẹp, ảnh hưởng đến việc nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và mua sắm thiết bị công nghệ.

- Một số giáo viên lớn tuổi còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các công nghệ mới, đặc biệt là ứng dụng AI và các nền tảng số chuyên sâu.

- Kho học liệu số của nhà trường đang từng bước hoàn thiện nhưng chưa thực sự phong phú và đồng bộ ở tất cả các môn học.

3. Kiến nghị:

- Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo, các cấp quản lý tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn chuyên sâu về chuyển đổi số, ứng dụng AI, an toàn thông tin và khai thác học liệu số cho cán bộ quản lý, giáo viên.

- Tiếp tục hoàn thiện các phần mềm dùng chung của ngành, bảo đảm tính ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình sử dụng.

- Có thêm các hướng dẫn kỹ thuật cụ thể về triển khai học bạ số, hồ sơ số, kiểm tra đánh giá trên máy tính và bảo đảm an toàn dữ liệu trong cơ sở giáo dục.

Nơi nhận:
- Phòng VHXH xã (b/c);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Thị Hoa